

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số: 31/CBTT-CMW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 14 tháng 8 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

- Mã chứng khoán: CMW

- Địa chỉ: số 204 Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

- Điện thoại liên hệ/Tel: (0290) 836723

Fax: (02903) 836723

- Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com

Website: <https://ctncamau.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên đã được soát xét năm 2026

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/8/2026 tại đường dẫn <https://ctncamau.com.vn/tin-tuc-22-bao-cai-tai-chinh.html/>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên 2026;
- Giải trình 14/8/CNCM-KTTV



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	4
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	7 - 10
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	11
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 13
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	14 - 41
9. Phụ lục	42



THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 200010198, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 11 năm 1992 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 06 tháng 8 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Điện thoại : 0290.3836723
- Fax : 0290.3836723

Các đơn vị trực thuộc:

Công ty có 3 Xí nghiệp, 8 Chi nhánh trực thuộc Công ty và 1 Xí nghiệp hoạt động bằng 100% vốn ngân sách Nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao quản lý hộ. Tất cả các Xí nghiệp và Chi nhánh nêu trên đều không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc và hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 1	Đường Lý Thường Kiệt, khóm 14, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 2	Số 931, Ngõ Quyền, khóm 21, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Phan Ngọc Hiển	Ấp Kiến Vàng, xã Phan Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Cái Đôi Vàm	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Khánh An	Ấp 1, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Cái Nước	Đường Phan Ngọc Hiển, xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Đầm Dơi	Đường Trần Văn Phú, ấp 4, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Sông Đốc	Ấp 11, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Trần Văn Thời	Đường Nguyễn Ngọc Sanh, xã Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Thới Bình	Khóm 1, xã Thới Bình, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp Xây lắp - Cơ điện	Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn	Đường Hùng Vương, ấp 2, xã Năm Căn, tỉnh Cà Mau, Việt Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Hồ Tấn Luật	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025
Ông Phạm Phước Tài	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025
Ông Phạm Tấn Phong	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025
Ông Trần Thế Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025
Ông Lê Chánh Huy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Mỹ Huyền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025
Bà Văn Hải Lý	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025
Bà Quách Huỳnh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Phạm Phước Tài	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025
Ông Phạm Tấn Phong	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025
Ông Trần Quốc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2026
Ông Huỳnh Thiện Trị	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2026
Ông Huỳnh Thiện Trị	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025
Bà Trần Ngọc Thúy	Phụ trách kế toán	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2026 Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hồ Tấn Luật - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Hồ Tấn Luật đã ủy quyền cho Ông Phạm Phước Tài - Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo Giấy ủy quyền số 05/GUQ-CNCM ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Phước Tài
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2026



Số: 4.0275/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2026, từ trang 7 đến trang 42, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ về các vấn đề sau:

- Công ty đang ghi nhận khoản phải thu về chi phí cổ phần hóa với số tiền 582.742.500 VND (Thuyết minh số V.5) và khoản phải trả liên quan từ trước cổ phần hóa chuyển sang với số tiền 30.291.229.630 VND (Thuyết minh số V.18). Số dư các khoản công nợ với ngân sách Nhà nước liên quan đến cổ phần hóa tùy thuộc vào quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên còn có thể thay đổi;
- Báo cáo tài chính giữa niên độ chưa phản ánh nghĩa vụ phải trả về tiền dịch vụ môi trường rừng phát sinh từ năm 2011 đến ngày 31 tháng 5 năm 2023 do chưa có hướng dẫn bằng văn bản từ cơ quan có thẩm quyền cũng như Thông báo cụ thể về số tiền Công ty phải nộp của giai đoạn này (Thuyết minh số VII.1);
- Như trình bày tại các Thuyết minh số I.5 và IV.1, Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty bao gồm số liệu của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn - là đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao Công ty quản lý hộ.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Nguyễn Hữu Danh

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.777.394.779	52.573.308.533
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.094.868.863	1.229.184.926
1. Tiền	111	V.1	2.094.868.863	1.229.184.926
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.000.000	500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	500.000.000	500.000.000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.608.734.500	32.488.243.881
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.740.883.717	4.086.385.544
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.884.399.385	2.716.061.381
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	27.533.127.555	27.973.801.066
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(2.549.676.157)	(2.288.004.110)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		17.573.791.416	18.355.879.726
1. Hàng tồn kho	141	V.7	17.573.791.416	18.355.879.726
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		-	-
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		282.440.063.276	281.507.125.147
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		205.329.368.869	207.631.063.918
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	200.827.629.710	203.021.247.551
- Nguyên giá	222		497.367.006.009	489.643.581.019
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(296.539.376.299)	(286.622.333.468)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.501.739.159	4.609.816.367
- Nguyên giá	228		5.837.187.683	5.837.187.683
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.335.448.524)	(1.227.371.316)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		6.369.744.240	5.125.403.661
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10	6.369.744.240	5.125.403.661
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		70.740.950.167	68.750.657.568
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.11	70.740.950.167	68.750.657.568
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		334.217.458.055	334.080.433.680



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		161.783.188.383	154.415.812.063
I. Nợ ngắn hạn	310		143.698.189.891	135.210.937.258
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.593.260.508	6.650.393.130
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	65.978.985	65.884.427
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.14	13.682.710.856	82.335.626
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	14.327.900.573	19.952.729.173
5. Phải trả người lao động	315	V.16	7.273.886.555	13.563.666.632
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	-	45.024.505
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18	65.549.174.133	64.973.361.285
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.19a,c	35.521.868.219	28.070.321.507
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	3.683.410.062	1.807.220.973
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		18.084.998.492	19.204.874.805
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.19b,c	18.084.998.492	19.204.874.805
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

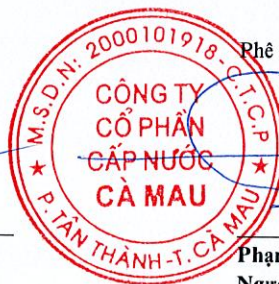
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		172.434.269.672	179.664.621.617
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	155.349.000.000	155.349.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.349.000.000	155.349.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	2.864.573.515	2.582.716.353
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.21	2.212.535.141	1.648.820.817
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	12.008.161.016	20.084.084.447
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		7.335.965.315	20.084.084.447
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		4.672.195.701	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		334.217.458.055	334.080.433.680

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026


Trần Ngọc Thúy
Người lập


Trần Ngọc Thúy
Phụ trách kế toán




Phạm Phước Tài
Người đại diện theo pháp luật được ủy quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	83.154.684.503	77.754.139.997
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83.154.684.503	77.754.139.997
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	51.172.991.398	45.165.660.231
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.981.693.105	32.588.479.766
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	24.454.765	2.657.555
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	1.833.110.255	1.377.928.892
Trong đó: chi phí đi vay	24		1.833.110.255	1.377.928.892
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.799.371.918	2.769.259.591
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.056.812.942	14.713.862.341
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.316.852.755	13.730.086.497
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.141.480.895	1.322.573.825
13. Chi phí khác	32	VI.8	11.388.301	482.032.286
14. Lợi nhuận khác	40		1.130.092.594	840.541.539
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.446.945.349	14.570.628.036
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	2.746.915.080	3.098.357.866
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.700.030.269	11.472.270.170
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	513	569
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	513	569

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Trần Ngọc Thúy
Người lậpTrần Ngọc Thúy
Phụ trách kế toánPhạm Phước Tài
Người đại diện theo pháp luật được ủy quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		104.042.131.976	97.593.954.217
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29.375.255.485)	(29.619.306.143)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.343.326.538)	(19.427.833.261)
4. Chi phí đi vay đã trả	04	V.17, VI.4	(1.878.134.760)	(1.388.321.481)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.15	(1.299.426.066)	(3.515.190.419)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.662.413.488	3.042.820.084
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(39.554.491.108)	(24.499.360.543)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.253.911.507	22.186.762.454
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, V.10, V.12	(11.732.144.635)	(12.030.551.247)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	20.443.836	21.382.192
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.711.700.799)	(12.009.169.055)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

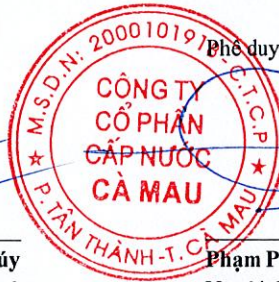
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19a,b	30.787.620.593	25.225.669.310
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19a	(24.455.950.194)	(35.262.646.874)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14, V.21	(8.197.170)	(21.052.663)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.323.473.229	(10.058.030.227)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		865.683.937	119.563.172
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.229.184.926	1.460.484.893
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	2.094.868.863	1.580.048.065

Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Trần Ngọc Thúy
Người lậpTrần Ngọc Thúy
Phụ trách kế toán
Phạm Phước Tài
Người đại diện theo pháp luật được ủy quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty có 3 Xí nghiệp, 8 Chi nhánh trực thuộc Công ty và 1 Xí nghiệp hoạt động bằng 100% vốn ngân sách Nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau giao quản lý hộ. Tất cả các Xí nghiệp và Chi nhánh nêu trên đều không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc và hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 1	Đường Lý Thường Kiệt, khóm 14, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 2	Số 931, Ngõ Quyền, khóm 21, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Phan Ngọc Hiền	Ấp Kiến Vàng, xã Phan Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Cái Đôi Vàm	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, xã Cái Đôi Vàm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Khánh An	Ấp 1, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Cái Nước	Đường Phan Ngọc Hiền, xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Đầm Dơi	Đường Trần Văn Phú, ấp 4, xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Sông Đốc	Ấp 11, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Trần Văn Thời	Đường Nguyễn Ngọc Sanh, xã Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Chi nhánh Cấp nước Thới Bình	Khóm 1, xã Thới Bình, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp Xây lắp - Cơ điện	Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn ⁽ⁱ⁾	Đường Hùng Vương, ấp 2, xã Năm Căn, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

⁽ⁱ⁾ Xí nghiệp hoạt động bằng 100% vốn ngân sách Nhà nước, Công ty được giao quản lý hộ cho Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau theo Công văn số 318/VP-KT ngày 22/03/2016 về việc quản lý, vận



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

hành hệ thống cấp nước đô thị Năm Căn, huyện Năm Căn của văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 264 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 266 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "CMW" theo Quyết định số 198/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 10 tháng 4 năm 2017.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99/Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty bao gồm số liệu của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn (xem thuyết minh I.5), chi tiết như sau:

- Công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán, phải trả người lao động, các loại thuế phải nộp được hợp cộng tại từng chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty;
- Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận là khoản phải thu khác, hao mòn tài sản cố định ghi nhận là khoản phải trả khác trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty;
- Lợi nhuận sau thuế ghi nhận là khoản phải trả khác trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty.

Kết quả kinh doanh giữa niên độ của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn không được hợp cộng lên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ của Công ty.

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi không kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

Chi phí lắp đặt thủy lượng kế, ống nhánh

Chi phí lắp đặt thủy lượng kế, ống nhánh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong 05 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 31
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Quyền sử dụng đất ổn định lâu dài không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm máy tính vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 - 06 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

11. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng bao gồm giá trị ban đầu được thỏa thuận trong hợp đồng và các khoản điều chỉnh phát sinh trong quá trình thực hiện được hai bên thống nhất, bao gồm các khoản thay đổi phạm vi công việc, yêu cầu bổ sung, tiền thưởng hoàn thành sớm tiến độ hoặc các khoản bồi thường bù đắp chi phí phát sinh ngoài giá hợp đồng - với điều kiện các khoản này có thể xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng được phê duyệt.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Khi dự báo tổng chi phí hợp đồng vượt quá tổng doanh thu hợp đồng, khoản lỗ dự kiến được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát hiện.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Khi dự báo tổng chi phí hợp đồng vượt quá tổng doanh thu hợp đồng, toàn bộ khoản lỗ dự kiến của hợp đồng được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát hiện, không phụ thuộc vào giai đoạn hoàn thành của hợp đồng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	230.310.906	363.790.109
Tiền gửi không kỳ hạn	1.864.557.957	865.394.817
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	1.656.681.829	479.063.401
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	46.653.609	317.283.342
- Các ngân hàng khác	161.222.519	69.048.074
Cộng	2.094.868.863	1.229.184.926

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị ghi sổ là 500.000.000 VND (số đầu năm là 500.000.000 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh V.19a và V.19b).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu khách hàng cung cấp nước	3.584.908.116	(2.549.676.157)	3.911.291.754	(2.288.004.110)
Phải thu khách hàng xây dựng, lắp đặt	155.975.601	-	175.093.790	-
Cộng	3.740.883.717	(2.549.676.157)	4.086.385.544	(2.288.004.110)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Vtech Việt Nam	2.027.708.256	2.027.708.256
Các nhà cung cấp khác	856.691.129	688.353.125
Cộng	2.884.399.385	2.716.061.381

Trong đó, khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 2.397.547.381 VND (số đầu năm là 2.676.561.381 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Tài sản dự án Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn ⁽ⁱ⁾	25.660.712.368	-	25.660.712.368	-
Phải thu về cổ phần hóa và chi phí thoái vốn doanh nghiệp ⁽ⁱⁱ⁾	582.742.500	-	582.742.500	-
Phải thu của người lao động - tiền tạm ứng đề công tác	405.547.767	-	495.899.613	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	381.250.000	-	381.250.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	502.874.920	-	853.196.585	-
Cộng	27.533.127.555	-	27.973.801.066	-

(i) Khoản phải thu này bao gồm giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, chi phí chờ phân bổ của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn (loại ra không tính vào giá trị doanh nghiệp Công ty) để cổ phần hóa theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cùng với chi phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước Năm Căn phát sinh sau thời điểm cổ phần hóa Công ty chi hộ.

(ii) Chi phí thực hiện công tác cổ phần hóa, bao gồm cả chi phí trợ cấp thôi việc và xử lý lao động dôi dư trước khi cổ phần hóa. Công ty hiện đang xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau để xử lý các khoản chi phí này, chưa bù trừ với khoản nợ phải trả (xem Thuyết minh số V. 18).

6. Nợ quá hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu tiền nước	Trên 3 năm	2.549.676.157	Trên 3 năm	2.288.004.110
Cộng		2.549.676.157		2.288.004.110

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.288.004.110	1.868.886.152
Trích lập dự phòng bổ sung	261.672.047	439.129.010
Số cuối kỳ	2.549.676.157	2.308.015.162

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.573.791.416	-	18.355.879.726	-
Cộng	17.573.791.416	-	18.355.879.726	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	27.626.003.871	37.101.983.537	421.987.145.382	2.928.448.229	489.643.581.019
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.905.378.693	818.679.630	4.999.366.667	-	7.723.424.990
Số cuối kỳ	29.531.382.564	37.920.663.167	426.986.512.049	2.928.448.229	497.367.006.009
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.339.027.862	7.324.056.786	65.880.537.151	1.662.920.956	86.206.542.755
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	19.712.220.555	14.608.702.655	250.098.537.264	2.202.872.994	286.622.333.468
Khấu hao trong kỳ	444.526.496	1.371.363.461	8.053.056.058	48.096.816	9.917.042.831
Số cuối kỳ	20.156.747.051	15.980.066.116	258.151.593.322	2.250.969.810	296.539.376.299
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.913.783.316	22.493.280.882	171.888.608.118	725.575.235	203.021.247.551
Số cuối kỳ	9.374.635.513	21.940.597.051	168.834.918.727	677.478.419	200.827.629.710
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 26.359.831.483 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh V.19a và V.19b).

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Dự án hệ thống cấp nước Cà Mau	142.162.412.712	81.865.143.705	60.297.269.007
Tài sản cố định hữu hình khác	355.204.593.297	214.674.232.594	140.530.360.703
Cộng	497.367.006.009	296.539.376.299	200.827.629.710

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.910.809.030	1.926.378.653	5.837.187.683
Số cuối kỳ	3.910.809.030	1.926.378.653	5.837.187.683
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	894.611.565	894.611.565
Chờ thanh lý	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.227.371.316	1.227.371.316
Khấu hao trong kỳ	-	108.077.208	108.077.208
Số cuối kỳ	-	1.335.448.524	1.335.448.524
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.910.809.030	699.007.337	4.609.816.367
Số cuối kỳ	3.910.809.030	590.930.129	4.501.739.159
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Đất trạm cấp nước số 3 Trần Văn Thời	772.763.000	-	772.763.000
Đất trạm cấp nước số 30	812.036.939	-	812.036.939
Đất trạm cấp nước Quách Phẩm - Đầm Dơi	587.840.182	-	587.840.182
Tài sản cố định vô hình khác	3.664.547.562	1.335.448.524	2.329.099.038
Cộng	5.837.187.683	1.335.448.524	4.501.739.159

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang				
- Công trình trạm cấp nước số 2 chi nhánh cấp nước Đầm Dơi	593.168.182	-	-	593.168.182
- Công trình trạm cấp nước số 4 chi nhánh cấp nước Ngọc Hiền	553.490.909	-	-	553.490.909
- Công trình đầu tư nhà máy cấp nước mở rộng Năm Căn	613.176.228	45.091.733	-	658.267.961
- Công trình giếng khoan số 26B, trạm cấp nước số 26 thuộc xí nghiệp cấp nước Cà Mau 2	-	1.380.032.407	(1.380.032.407)	-
- Công trình di dời hệ thống cấp nước đoạn từ Ô Rô đến trụ sở ấp Dinh Hạng	-	1.507.755.411	(1.507.755.411)	-
- Công trình cải tạo, sửa chữa trạm cấp nước số 20, trạm Tắc Vân, nhà máy cấp nước số 1 thuộc xí nghiệp cấp nước Cà Mau 1	-	638.196.296	(638.196.296)	-
- Công trình cải tạo hệ thống ống nhánh xí nghiệp Cấp nước và Môi	-	726.899.755	-	726.899.755

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
trường Năm Căn				
- Các công trình khác	3.365.568.342	4.669.789.967	(4.197.440.876)	3.837.917.433
Cộng	5.125.403.661	8.967.765.569	(7.723.424.990)	6.369.744.240

11. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.055.908.084	1.381.449.982
Chi phí lắp đặt thủy lượng kế, ống nhánh	61.685.394.302	56.496.449.050
Các chi phí trả trước dài hạn khác	7.999.647.781	10.872.758.536
Cộng	70.740.950.167	68.750.657.568

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng	98.604.000	1.731.240.000
Công ty TNHH Hóa nhựa Đệ Nhất	826.994.060	-
Công ty TNHH Thương mại Viễn thông Việt Hồng Hà	809.190.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.858.472.448	4.919.153.130
Cộng	3.593.260.508	6.650.393.130

Trong đó, khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 701.147.622 VND (số đầu năm là 3.744.540.688 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Cà Mau	28.562.000	28.562.000
Ban Quản lý Dự án Khu đô thị trung tâm hành chính - chính trị thành phố Cà Mau	9.452.227	9.452.227
Công ty Cổ phần Xây dựng và Cây xanh Hà Đô	16.867.500	16.867.500
Các khách hàng khác	11.097.258	11.002.700
Cộng	65.978.985	65.884.427

14. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức phải trả cho các cổ đông ⁽ⁱ⁾	13.682.710.856	82.335.626
Cộng	13.682.710.856	82.335.626

- (i) Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 về việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông theo tỷ lệ 72,5% vốn góp, tương ứng 13.608.572.400 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	208.224.537	2.728.573.320	(2.722.743.991)	214.053.866
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.299.395.205	2.968.330.859	(1.299.426.066)	2.968.299.998
Thuế thu nhập cá nhân	-	415.075.844	(415.075.844)	-
Thuế tài nguyên	536.993.100	3.397.225.500	(3.352.403.700)	581.814.900
Thuế nhà đất	-	46.392.228	(46.392.228)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	17.908.116.331	11.164.701.426	(18.509.085.948)	10.563.731.809
Cộng	19.952.729.173	20.720.299.177	(26.345.127.777)	14.327.900.573

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước sinh hoạt : 5%
- Xây dựng, lắp đặt và các dịch vụ khác : 10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.446.945.349	14.570.628.036
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
• Các khoản điều chỉnh tăng	302.698.812	936.785.114
• Các khoản điều chỉnh giảm	(15.068.760)	(15.623.818)
Thu nhập chịu thuế/Thu nhập tính thuế	13.734.575.401	15.491.789.332
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.746.915.080	3.098.357.866

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ bao gồm:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.746.915.080	3.098.357.866
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn	221.415.779	253.281.780
Cộng	2.968.330.859	3.351.639.646



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới đất với giá tính thuế 6.000 VND/m³ với thuế suất 5%.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	-	45.024.505
Cộng	-	45.024.505

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	391.959.542	393.407.889
Phải trả về cổ phần hóa ⁽ⁱ⁾	30.291.229.630	30.291.229.630
Thuế tài nguyên từ năm 2009 đến năm 2013 bị truy thu	8.422.722.654	8.422.722.654
Vốn tạm ứng thi công phải trả ngân sách Nhà nước	5.800.000.000	6.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trước cổ phần hóa chưa chi	1.848.388.693	1.853.372.116
Quỹ lương trước cổ phần hóa chưa chi	173.009.462	173.009.462
Lợi nhuận sau thuế của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn phải nộp ngân sách Nhà nước	9.940.722.177	9.165.996.566
Khấu hao tài sản của Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn phải nộp ngân sách Nhà nước	4.414.562.981	3.965.926.097
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.266.578.994	4.207.696.871
Cộng	65.549.174.133	64.973.361.285

- ⁽ⁱ⁾ Phần lợi nhuận phải trả ngân sách Nhà nước từ trước cổ phần hóa. Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, chưa có hướng dẫn nộp khoản này vào ngân sách Nhà nước.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có khoản nợ đến hạn chưa thanh toán là khoản vốn tạm ứng thi công phải trả ngân sách Nhà nước với số tiền 5.800.000.000 VND (số đầu năm là 6.500.000.000 VND).

19. Vay

19a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	14.708.163.390	14.001.464.255
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	13.579.457.203	6.897.114.626
Vay dài hạn đến hạn trả các tổ chức khác (xem thuyết minh V.19b)	7.234.247.626	7.171.742.626
Cộng	35.521.868.219	28.070.321.507

(i) Số dư cuối kỳ là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 99-2026/HDCV-QLN-KH ngày 31 tháng 3 năm 2026 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ (lãi suất vay áp dụng trong kỳ từ 6,7 - 8,4%/năm), thời hạn vay 175 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh V.2 và V.8).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cà Mau theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số HĐTD số 317340.25.751.4251625.TD ngày 11 tháng 7 năm 2025 để bổ sung vốn lưu động mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ (lãi suất vay áp dụng trong kỳ từ 7,5 - 9,2%/năm), thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	28.070.321.507	28.788.327.467
Số tiền vay phát sinh	28.287.620.593	25.225.669.310
Kết chuyển từ vay dài hạn	3.619.876.313	5.084.742.626
Số tiền vay đã trả	(24.455.950.194)	(35.262.646.874)
Số cuối kỳ	35.521.868.219	23.836.092.529

19b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	10.784.000.000	10.971.505.000
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Minh Hải ⁽ⁱⁱ⁾	7.300.998.492	8.233.369.805
Cộng	18.084.998.492	19.204.874.805



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động tài trợ các nhu cầu mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ và các nhu cầu vốn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và thời hạn 60 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh V.2 và V.8).
- (ii) Khoản vay lại từ nguồn vốn ODA thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khu vực Minh Hải để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Cà Mau với lãi suất cố định là 5%/năm, thời hạn vay là 24 năm. Ngày bắt đầu giải ngân là ngày 17/10/2006, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	7.234.247.626	7.171.742.626
Trên 01 năm đến 05 năm	18.084.998.492	18.430.475.504
Trên 05 năm	-	774.399.301
Cộng	<u>25.319.246.118</u>	<u>26.376.617.431</u>

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn ngân hàng trong kỳ như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	19.204.874.805	18.800.617.431
Số tiền vay phát sinh	2.500.000.000	8.100.000.000
Số tiền vay đã trả	-	(524.000.000)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(3.619.876.313)	(7.171.742.626)
Số cuối kỳ	<u>18.084.998.492</u>	<u>19.204.874.805</u>

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	37.369.907	1.879.047.745	(1.875.151.745)	41.265.907
Quỹ phúc lợi	1.692.757.086	1.879.047.745	(112.922.000)	3.458.882.831
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	77.093.980	563.714.324	(457.546.980)	183.261.324
Cộng	<u>1.807.220.973</u>	<u>4.321.809.814</u>	<u>(2.445.620.725)</u>	<u>3.683.410.062</u>

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	111.057.000.000	111.057.000.000
Công ty Cổ phần Nước Thù Dầu Một	37.896.000.000	37.896.000.000
Các cổ đông khác	6.396.000.000	6.396.000.000
Cộng	155.349.000.000	155.349.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.534.900	15.534.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.534.900	15.534.900
- Cổ phiếu phổ thông	15.534.900	15.534.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.534.900	15.534.900
- Cổ phiếu phổ thông	15.534.900	15.534.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển (1,5% lợi nhuận sau thuế)	: 281.857.162
• Trích quỹ khác của chủ sở hữu (3% lợi nhuận sau thuế)	: 563.714.324
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (3% lợi nhuận sau thuế)	: 563.714.324
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% lợi nhuận sau thuế)	: 3.758.095.490
• Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông (72,5% lợi nhuận sau thuế)	: 13.608.572.400

22. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (xem Thuyết minh số V.2)	500.000.000	500.000.000		
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	500.000.000	500.000.000	Từ 01 đến 05 năm	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau
Tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.9)	26.359.831.483	19.217.429.706		
Các tài sản cố định hữu hình khác	26.359.831.483	19.217.429.706	Từ 01 đến 05 năm	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau
Cộng	26.859.831.483	19.717.429.706		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	81.724.858.700	76.255.662.150
Doanh thu hoạt động xây dựng, lắp đặt	1.410.829.292	1.492.239.514
Doanh thu khác	18.996.511	6.238.333
Cộng	83.154.684.503	77.754.139.997

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của nước sinh hoạt đã cung cấp	50.041.763.122	43.924.088.342
Giá vốn của hoạt động xây dựng, lắp đặt	1.131.228.276	1.241.571.889
Cộng	51.172.991.398	45.165.660.231

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.010.929	2.657.555
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	20.443.836	-
Cộng	24.454.765	2.657.555

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay - Lãi vay	1.833.110.255	1.377.928.892
Cộng	1.833.110.255	1.377.928.892

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.515.592.121	1.563.372.627
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	837.399.450	332.347.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.194.968	309.177.117
Các chi phí khác	189.185.379	564.362.620
Cộng	2.799.371.918	2.769.259.591

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.650.159.652	9.677.324.896
Chi phí vật liệu quản lý	2.111.111	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	936.131.069	380.623.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	753.134.433	726.891.775
Thuế, phí và lệ phí	46.392.228	70.451.027
Dự phòng phải thu khó đòi	261.672.047	439.129.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	689.631.377	1.352.492.794
Các chi phí khác	1.717.581.025	2.066.949.789
Cộng	15.056.812.942	14.713.862.341

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí dịch vụ thoát nước và phí bảo vệ môi trường giữ lại 5%	471.190.260	444.942.367
Thu nhập từ thanh lý phế liệu	661.040.635	792.293.589
Thu nhập khác	9.250.000	85.337.869
Cộng	1.141.480.895	1.322.573.825

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền chậm nộp thuế	33.005	36.504.508
Chi trả trợ cấp thôi việc	-	442.750.000
Chi phí khác	11.355.296	2.777.778
Cộng	11.388.301	482.032.286

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.700.030.269	11.472.270.170
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(2.461.006.962)	(2.294.454.034)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý ⁽ⁱ⁾	(267.500.757)	(344.168.105)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	7.971.522.550	8.833.648.031
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.534.900	15.534.900
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	513	569



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý kỳ này được tạm tính theo tỷ lệ đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 thông qua tại Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 (trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 23% lợi nhuận sau thuế và trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý 2,5% lợi nhuận sau thuế).

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.083.722.408	16.670.815.773
Chi phí nhân công	28.661.238.177	24.480.235.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.025.120.039	9.367.895.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.745.494.666	8.988.942.845
Chi phí khác	6.513.600.968	3.140.892.446
Cộng	69.029.176.258	62.648.782.163

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Công ty thuộc các đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng và phải nộp vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của địa phương. Tuy nhiên, theo Công văn số 4988/UBND-KT ngày 27/07/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau thì Quỹ bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh Cà Mau chưa thành lập. Do đó, Công ty chưa phản ánh nghĩa vụ phải trả liên quan đến dịch vụ môi trường rừng từ năm 2011 đến ngày 31 tháng 5 năm 2023 do chưa có văn bản từ cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn nộp và Công ty cũng chưa nhận được Thông báo cụ thể về số tiền phải nộp của giai đoạn này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Ông Hồ Tấn Luật - Chủ tịch Hội đồng quản trị	637.664.500	471.126.000
Ông Phạm Phước Tài - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	594.787.000	454.815.000
Ông Phạm Tấn Phong - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	526.796.000	425.811.000
Ông Trần Thế Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000	21.600.000
Ông Lê Chánh Huy - Thành viên Hội đồng quản trị	193.867.000	151.489.000
Ông Trần Quốc Tuấn - Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2026)	57.671.000	-
Ông Huỳnh Thiện Trị - Phó Tổng Giám đốc - trước đó là Kế toán trưởng	405.138.903	380.377.000
Bà Nguyễn Thị Mỹ Huyền - Trưởng Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025)	327.688.000	-
Bà Quách Huỳnh Hương - Thành viên Ban kiểm soát	177.495.000	-
Bà Văn Hải Lý - Thành viên Ban kiểm soát	172.695.000	113.007.000
Bà Phan Thị Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025)	-	113.487.000
Bà Mai Thị Hiền - Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2025)	-	362.779.000
Bà Trần Ngọc Thúy - Phụ trách kế toán (bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2026)	41.174.000	-
Cộng	<u>3.182.976.403</u>	<u>2.494.491.000</u>

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	Cổ đông nắm giữ 71,49% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Cổ đông nắm giữ 24,39% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau			
Chia cổ tức	-	-	7.363.079.100
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một			
Chia cổ tức	-	-	2.512.504.800

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước (chiếm 98,28% doanh thu toàn Công ty) và được thực hiện ở khu vực tỉnh Cà Mau.

4. Số liệu so sánh

Áp dụng chế độ kế toán mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ</i>				
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	82.335.626	82.335.626
Phải trả ngắn hạn khác	320	65.055.696.911	(82.335.626)	64.973.361.285

Điều chỉnh do trình bày lại các khoản cổ tức phải trả.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 91.920.795.112 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 82.637.628.725 VND), điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty không gặp vấn đề gì về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn vì phần lớn các nợ phải trả liên quan đến ngân sách Nhà nước và người lao động. Đây là các khoản phải trả đang chờ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý và quyết toán.

6. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Ban Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Các ước tính dưới đây được Ban Tổng Giám đốc xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Công ty ước tính khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ phải thu theo tuổi nợ và tình hình tài chính của từng khách hàng. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc dự báo khả năng thanh toán của khách hàng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng số dư nợ phải thu khách hàng là 3.740.883.717 VND, trong đó Công ty đã trích lập dự phòng 2.549.676.157 VND.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro nợ khó đòi:

- Tăng cường theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ định kỳ.
- Yêu cầu tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh đối với các khoản nợ có giá trị lớn.
- Rà soát hạn mức tín dụng cho từng khách hàng hàng quý.
- Khởi kiện hoặc áp dụng biện pháp pháp lý đối với các khoản nợ quá hạn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho dựa trên giá bán dự kiến trừ chi phí bán hàng ước tính. Sự không chắc chắn phát sinh từ biến động giá thị trường, thay đổi nhu cầu của khách hàng và rủi ro lỗi thời của hàng hóa/vật tư tồn kho.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro:

- Kiểm kê và đánh giá chất lượng hàng tồn kho định kỳ hàng quý.
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Triển khai các chương trình khuyến mại để đẩy nhanh tiêu thụ hàng tồn kho chậm luân chuyển.
- Đa dạng hóa kênh phân phối để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế hoãn lại

Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và tài sản/thuế hoãn lại đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc thực hiện các giả định về khả năng áp dụng các quy định thuế hiện hành, khả năng tạo ra lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng tài sản thuế hoãn lại và rủi ro bị cơ quan thuế điều chỉnh khi kiểm tra quyết toán thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng lợi nhuận tính thuế thực tế thấp hơn đáng kể so với kế hoạch là thấp dựa trên kết quả kinh doanh các năm gần đây và kế hoạch kinh doanh được phê duyệt.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát định kỳ khả năng thu hồi tài sản thuế hoãn lại hàng năm.
- Tham vấn chuyên gia thuế về việc áp dụng các quy định thuế đối với các giao dịch phức tạp.
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng từ để sẵn sàng đối phó với kiểm tra thuế.
- Theo dõi sát diễn biến chính sách thuế và điều chỉnh ước tính kịp thời.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trần Ngọc Thúy
Người lập

Trần Ngọc Thúy
Phụ trách kế toán



Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Phạm Phước Tài
Người đại diện theo pháp luật
được ủy quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

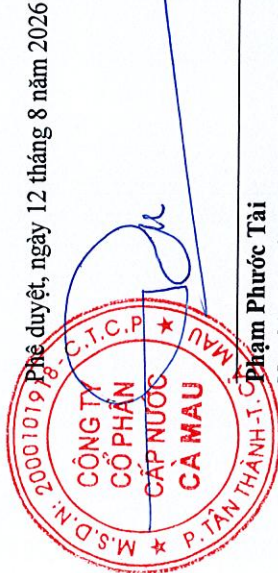
Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	155.349.000.000	2.369.598.888	1.222.585.887	15.500.399.218	174.441.583.993
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	11.472.270.170	11.472.270.170
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	213.117.465	426.234.930	(3.907.153.522)	(3.267.801.127)
Chia cổ tức năm 2024	-	-	-	(10.299.638.700)	(10.299.638.700)
Số dư cuối kỳ trước	155.349.000.000	2.582.716.353	1.648.820.817	12.765.877.166	172.346.414.336
Số dư đầu năm nay	155.349.000.000	2.582.716.353	1.648.820.817	20.084.084.447	179.664.621.617
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	10.700.030.269	10.700.030.269
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	281.857.162	563.714.324	(5.167.381.300)	(4.321.809.814)
Chia cổ tức năm 2025	-	-	-	(13.608.572.400)	(13.608.572.400)
Số dư cuối kỳ này	155.349.000.000	2.864.573.515	2.212.535.141	12.008.161.016	172.434.269.672

Đơn vị tính: VND

Trần Ngọc Thúy
Người lập

Trần Ngọc Thúy
Phụ trách kế toán



Phê duyệt, ngày 12 tháng 8 năm 2026
Phạm Phước Tài
Người đại diện theo pháp luật được ủy quyền

